

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2023/DS-ST**

Ngày: 27/4/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**.

2. Ông **Nguyễn Văn Tâm**.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà **Cà Thị Lan**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 21 và ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-DS ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/QĐST-DS ngày 31/3/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần Thị Thu V**, sinh năm xxxx; ngụ tại ấp C, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Có mặt)

* Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm xxxx; ngụ tại ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bà Trần Thị Thu V là nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên bà V có cho bà T vay số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất là 1% tháng, thỏa thuận mỗi ngày trả số tiền 120.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà T không thực hiện thỏa thuận đóng tiền, cho đến nay không trả tiền cho bà V, nên bà V đã có đơn yêu cầu và được tổ hòa giải của ấp Trung, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông tiến hành hòa giải cơ sở, bà T đồng ý trả cho bà V mỗi tháng là 2.000.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi, bà T đã trả được 2.000.000 đồng

rồi ngưng cho đến nay. Như vậy, bà T vẫn còn nợ bà V số tiền 58.000.000 đồng.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 58.000.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

* Bị đơn Nguyễn Thị T trình bày: Số tiền 60.000.000 đồng bà T vay của bà V nhiều lần với mức lãi suất lên đến 20-30% tháng, bà T đã trả cho bà V được 2.000.000 đồng tiền vốn rồi không còn khả năng nên ngưng không trả cho đến nay. Bà T đồng ý trả số tiền 58.000.000 đồng cho bà V nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ngụ tại ấp b, xã T, huyện G có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 58.000.000 đồng nên đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu V và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận vay tiền, có lập giấy vay tiền. Quá trình thực hiện, bà T vẫn không thực hiện trả tiền theo thỏa thuận cho bà V. Ngày 26/8/2022, trên cơ sở hòa giải của tổ hòa giải tại ấp Trung, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, bà T thống nhất trả cho bà V số tiền 60.000.000 đồng và bà V đồng ý cho bà T trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng tiền vốn và 200.000 đồng tiền lãi, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/9/2022. Tuy nhiên bà T chỉ trả được số tiền vốn là 2.000.000 đồng rồi ngưng không tiếp tục trả tiền cho bà V mặc dù bà V đã nhiều lần tìm gặp bà T để đòi tiền. Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 58.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vay mượn của hai bên được lập thành văn bản và tại phiên tòa, bà T đã thống nhất vay số tiền như bà V trình bày, đồng ý trả số tiền 58.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do số tiền vay không lớn, bà T được bà V đồng ý cho trả góp 120.000 đồng ngày, bà T không trả, sau nhiều lần đòi tiền và có sự can thiệp động viên của chính quyền địa phương, được sự đồng ý của bà V, bà T trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng tiền vốn và 200.000 đồng tiền lãi cho đến khi hết nợ, nhưng bà T chỉ trả được số tiền vốn là 2.000.000 đồng rồi ngưng không tiếp tục trả nên bà V mới khởi kiện tại Tòa án, từ những tình tiết nêu trên cho thấy bà T đã nhiều lần vi phạm thỏa thuận trả dần của bà T với bà V, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà T. Cho nên bà V khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền

58.000.000 đồng và yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

[2.2] Về lãi suất: Do bà V không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V được chấp nhận nên bà V không phải chịu án phí. Bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà T có đơn xin miễn giảm tiền án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử xem xét giảm tiền án phí cho bà T là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu V.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Trần Thị Thu V số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu trả tiền thì hàng tháng phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà V số tiền 1.564.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028405 ngày 23/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- CC.THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh